

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, Công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	9	Kế hoạch số 1057/KH-STP ngày 12/8/2025; 1260/KH-STP ngày 21/8/2025; 1386/KH-STP ngày 27/08/2025; 1712/KH-STP ngày 12/9/2025; 2358/KH-STP ngày 08/10/2025; 41/KH-STP ngày 07/3/2025; 67/KH-STP ngày 02/4/2025; 663/KH-STP ngày 12/3/2025; 51/KH-STP ngày 18/3/2025	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	49		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	49		
3.	Kiểm tra CCHC				Sở Nội vụ báo cáo
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%			

3.3.1.	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề			
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề			
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao				Văn phòng UBND tỉnh báo cáo
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0			Sở Nội vụ báo cáo
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng	Không = 0		Số lần tổ chức đối thoại	Văn phòng UBND

	đồng doanh nghiệp	Có = 1		là ...	tính cáo	báo
--	--------------------------	--------	--	--------	-------------	-----